

Bản án số: 56/2021/DS - ST.

Ngày: 14- 9 - 2021.

Về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Điền
2. Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Ch, xã Đại A, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lý Thị Thu N; địa chỉ: ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị L trình bày:

Vào ngày 20/10/2019 bà Lý Thị Thu N có hỏi vay của bà số tiền là 273.000.000 đồng, khi vay bà N có làm giấy tay, mục đích vay để trả nợ ngân hàng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 8%, thời hạn trả là 31/12/2019. Từ thời gian vay cho đến nay bà N trả được số tiền là 16.900.000 đồng tiền gốc, còn lại là 256.100.000 đồng; đối với lãi suất bà N chưa thanh toán cho bà khoản nào.

Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà N phải trả cho bà L số tiền là 261.900.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà N đã trả cho bà số tiền là 5.800.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà N phải trả cho bà 256.100.000 đồng,

không yêu cầu tính lãi.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị L về việc buộc bà Lý Thị Thu N phải có trách nhiệm trả cho bà Thạch Thị L số tiền là 256.100.000 đồng. Ngoài ra, bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lý Thị Thu N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lý Thị Thu Nguyệt.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 bà Thạch Thị L yêu cầu bà Lý Thị Thu N phải trả cho bà N số tiền là 261.900.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà Thạch Thị L cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án bà N có trả cho bà số tiền là 5.800.000 đồng nên tại phiên tòa bà Thạch Thị L yêu cầu bà Lý Thị Thu N phải trả cho bà Thạch Thị L số tiền là 256.100.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn khi vượt quá phạm vi khởi kiện nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 256.100.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Hợp đồng vay tiền” ngày 20/10/2019 trong đó có ghi “Nay tôi Thạch Thị L đồng ý cho bà Lý Thị Thu N Vay số tiền là 273.000.000 số tiền bằng chữ (Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng) vào ngày 20/10/2019 với lãi suất 8% trên tháng. Phương thức và thời hạn trả nợ: Bên B phải trả lãi cho bên A định kỳ hàng tháng. Bên B phải trả nợ gốc và lãi cho bên A chậm nhất là ngày 31/12/2019.”, có chữ ký của bà Lý Thị Thu Nguyệt. Mặt khác, ngoài số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 11.100.000 đồng thì sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có nhận được thông báo thụ lý của Tòa án và bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn bằng hình thức

chuyển tiền vào tài khoản của nguyên đơn nhằm thanh toán số tiền vay trên cụ thể số tiền là 800.000 đồng vào ngày 25/01; số tiền 1.990.000 đồng vào ngày 14/5; số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 14/6, số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 06/8/2021. Bên cạnh đó, bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án và các tài liệu chứng cứ do Tòa án gửi nhưng không có ý kiến phản đối gì. Từ phân tích nêu trên đủ cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 273.000.000 đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 16.900.000 đồng và xét thấy, bị đơn là người có lỗi để vi phạm hợp đồng, đến thời hạn bị đơn không thực hiện đúng theo hợp đồng nên đối chiếu với Điều 280, Điều 263, Điều 266 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 256.100.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi và bị đơn không có ý kiến, phản đối về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lý Thị Thu N phải có trách nhiệm trả cho bà Thạch Thị L số tiền là 256.100.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Thạch Thị L cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Lý Thị Thu N không trả số tiền nêu trên cho bà Thạch Thị L thì hàng tháng bà Lý Thị Thu N còn phải trả cho bà Thạch Thị L số tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lý Thị Thu N phải chịu 12.805.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Thạch Thị L không chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Thạch Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.547.500 đồng (Sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0008118 ngày 06/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- TA tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu (HS, VP).

DƯƠNG THỊ THANH HOA